

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục 14 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, thủy sản, hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 110/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 14 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, thủy sản, hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

DANH MỤC
14 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ
TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y, THỦY SẢN, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y			
1	1.004756.H21	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Lệ phí: 50.000 đồng/lần. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
2	1.004734.H21	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Lệ phí: 50.000 đồng/lần. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 26/6/2025

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
3	2.001064.000.00.00.H21	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Lệ phí: 50.000 đồng/lần. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
4	1.005319.000.00.00.H21	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Lệ phí: 25.000 đồng/lần. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Lệ phí: 50.000 đồng/lần. (Thu Lệ phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
5	1.002338.000.00.00.H21	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Phí Kiểm dịch động vật (kiểm tra lâm sàng gia cầm): bằng 50% mức thu phí quy định tại Điểm 1.4 Mục III Biểu Phí, Lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC. Cụ thể: - Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí Kiểm dịch động vật (kiểm tra lâm sàng gia cầm): 17.500 đồng/xe ô tô. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 35.000 đồng/xe ô tô. Thu phí được thực hiện thanh toán “Tại thời điểm nộp hồ sơ”	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
6	1.008126.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 2.850.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 800.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thu Phí: được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
7	1.008127.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 125.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thu Phí: được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
8	1.008122.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 175.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần.	Quyết định số

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
		công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	633/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
9	1.008128.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 1.150.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
10	1.008129.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- Thẩm định để cấp lại: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 125.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 750.000 đồng/01 cơ sở/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai (cũ) .

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
11	2.001730.H21	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Trường hợp thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam)	- Phí thẩm định và chứng nhận mậu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 90.000 đồng/01 sản phẩm/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 180.000 đồng/01 sản phẩm/lần. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: + Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 175.000 đồng/01 sản phẩm/lần. + Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
II	LĨNH VỰC THỦY SẢN			
12	1.004915.000.00.00.H21	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, Phí: 2.850.000 đồng/lần (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả). - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, Phí/lệ phí: 5.700.000 đồng/lần. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 25/04/2025
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Mức thu phí, lệ phí	Số Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh
13	1.013239.000.00.00.H21	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí thực hiện theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả)	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
14	1.013234.000.00.00.H21	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	- Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng. - Kể từ ngày 01/01/2027 trở đi, mức thu phí thực hiện theo Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (Thu phí được thực hiện thanh toán tại thời điểm nhận kết quả).	Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
	Tổng cộng: 14 TTHC			